TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa **chị H** và **anh Q**.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện **H.H**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện **H.H**, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2023/TLST – HNGĐ, ngày 06/6/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị H**, sinh năm 1983; địa chỉ: xóm 1, xã **H.S**, huyện **H.H**, tỉnh Nam Định; "có đơn xin vắng mặt";

Bị đơn: Anh **Ninh Văn Q**, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm 1, xã **H.S**, huyện **H.H**, tỉnh Nam Định; "vắng mặt không có lý do".

Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh nam 1954; địa chỉ: xóm 1, xã **H.S**, huyện **H.H**, tỉnh Nam Định (mẹ đẻ của anh **Ninh Văn Q**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Mai Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mai Thị H** và anh **Ninh Văn Q** tự nguyện kết

hôn với nhau ngày 03/10/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã **H.S**, huyện **H.H**, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Nay **chị H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh **Ninh Văn Q**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Ninh Hà V**sinh ngày 02/5/2016 và Ninh Gia L sinh ngày 13/7/2017, hiện cả hai con chung đang ở cùng **chị H**. Khi ly hôn, **chị H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu **anh Q** cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện **H.H** đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 154/2023/TLST – HNGĐ, ngày 06/6/2023 và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là anh **Ninh Văn Q** biết để **anh Q** có ý kiến về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung của **chị H** và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, đến nay **anh Q** không đến Tòa làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu của **chị H** gửi Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023, người làm chứng là bà **Nguyễn Thị N** trình bày như sau: Bà là mẹ đẻ của anh **Ninh Văn Q**. Việc **anh Q** và **chị H** tự nguyện kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung như **chị H** trình bày là đúng. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo của Tòa án nhân dân huyện **H.H** gửi cho anh Quân mà bà nhận thay, bà đều đã thông báo cho **anh Q** biết nội dung các giấy tờ trên, nhưng do bận công việc nên **anh Q** không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử vụ án được; **anh Q** có ý kiến nhất trí ly hôn với **chị H** và nhất trí để **chị H** tiếp tục nuôi 02 con chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. **Anh Q** thông qua bà Nga có ý kiến xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại tòa án và phiên tòa xét xử. Bà Nga xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện **H.H** tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa **Mai Thị H** và anh **Ninh Văn Q**.

Về con chung: Giao hai con chung là **Ninh Hà V**sinh ngày 02/5/2016 và Ninh Gia L sinh ngày 13/7/2017cho chị **Mai Thị H** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh **Ninh Văn Q** không phải cấp dưỡng nuôi con, có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn: Nguyên đơn chị **Mai Thị H** phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Mai Thị H** và anh **Ninh Văn Q** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H.S**, huyện **H.H** vào ngày 03/10/2014 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa **chị H** và **anh Q** là hợp pháp. Vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay **chị H** xin ly hôn, **anh Q** không có ý kiến gì.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Mai Thị H**, Hội đồng xét xử nhận định: thực tế hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa **chị H** và **anh Q** không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, **anh Q** đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án mà không có lý do đã chứng minh **anh Q** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với **chị H**. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa **chị H** và **anh Q** không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị H**, cho chị **Mai Thị H** được ly hôn anh **Ninh Văn Q** là phù hợp.

[3] Về con chung: **Chị H** và **anh Q** có 02 con chung là **Ninh Hà V**sinh ngày 02/5/2016 và Ninh Gia L sinh ngày 13/7/2017, hiện hai con chung đang ở cùng **chị H**. Khi ly hôn, **chị H** có nguyện vọng được nuôi 2 con, không yêu cầu **anh Q** cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng, cháu Vi có ý kiến và nguyện vọng được ở với mẹ. Để phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay là các con

chung đang ở cùng mẹ, đều còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét thấy cần giao 02 con chung cho **chị H** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, **anh Q** không phải cấp dưỡng nuôi con, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung theo quy đinh của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị **Mai Thị H** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Mai Thị H** và anh **Ninh Văn Q**.

2. Về con chung: Giao hai con chung là **Ninh Hà V**sinh ngày 02/5/2016 và **Ninh Gia L** sinh ngày 13/7/2017 cho chị **Mai Thị H** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên. Anh **Ninh Văn Q** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho **chị H**. **Chị H** và **anh Q** có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị **Mai Thị H**.

3. Về án phí: Chị **Mai Thị H** phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002659 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **H.H**. **Chị H** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Mai Thị H**, bị đơn anh **Ninh Văn Q** có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện **H.H**;
- Chi cục THADS huyện **H.H**;
- UBND xã **H.S**;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng